| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BẾN CÁT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/2019/QĐST-DS | *Bến Cát, ngày 17 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp***: Bà Thế Thị Ngọc Anh.

***Thư ký phiên họp***: Bà Phạm Ngọc Hoàng An -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 32/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 15/2019/QĐST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2019.

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Công ty P.

Địa chỉ: Lô CN01, khu B, khu công nghiệp P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trần Quang N, sinh năm 1971; địa chỉ: Lô CN01, khu B, Khu công nghiệp P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019).

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

*Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/9/2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, người yêu cầu giải quyết việc dân sự Công ty P trình bày:*

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Công ty Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký hợp đồng mua bán Frit với Công ty P (gọi tắt là Công ty P). Từ ngày 22/5/2017, Công ty Đ đã có đơn đặt hàng với Công ty P 28 tấn Frit trong PT02, trị giá 249.480.000 đồng. Đơn hàng trên đã được Công ty P xác nhận điều kiện giao hàng và cam kết phải trả tiền hàng để xuất hàng. Đến ngày 26/5/2017, Công ty Đ đã thanh toán nợ cũ là 100.000.000 đồng và ngày 31/5/2017, Công ty Đ tiếp tục thanh toán 25.000.000 đồng nên Công ty P đã cho xuất hàng ngày 24/5/2017 12 tấn Frit trong PT02, trị giá 106.920.000 đồng.

Ngày 12/6/2017, Công ty Đ đã có đơn đặt hàng với Công ty P 17 tấn Frit trong PT08, trị giá lô hàng 145.860.000 đồng. Ngày 19/6/2017, Công ty Đ tiếp tục có đơn đặt hàng với Công ty P 25 tấn Frit trong PT08 và 03 tấn Frit trong PT02, tổng trị giá 241.230.000 đồng. Đơn hàng trên đã được Công ty P xác nhận điều kiện giao hàng và yêu cầu cam kết phải trả tiền để xuất hàng. Ngày 13/6/2017, Công ty Đ đã thanh toán nợ cũ là 150.000.000 đồng. Ngày 16/6/2017, Công ty Đ tiếp tục thanh toán 50.000.000 đồng. Ngày 20/6/2017, Công ty Đ tiếp tục thanh toán 100.000.000 đồng nên Công ty P đã cho xuất kho hàng ngày 14/6/2017 16 tấn Frit trong PT02, trị giá 142.560.000 đồng. Ngày 15/6/2017 Công ty P xuất kho 17 tấn Frit trong PT08, trị giá 145.860.000 đồng và ngày 22/6/2017 13 tấn Frit trong PT08, trị giá 111.540.000 đồng.

Ngày 28/11/2017, Công ty Đ có đơn đặt hàng với Công ty P 15 tấn Frit trong PT02, 15 tấn Frit trong PT08, trị giá 271.755.000 đồng. Đơn hàng trên đã được Công ty P xác nhận điều kiện giao hàng và yêu cầu cam kết phải trả tiền hàng để xuất hàng. Đến ngày 14/12/2017, Công ty Đ đã thanh toán nợ cũ là 220.000.000 đồng và ngày 18/12/2017, Công ty Đ tiếp tục thanh toán 200.000.000 đồng nên Công ty P đã cho xuất hàng ngày 15/12/2017 với 11 tấn Frit trong PT02 và 11 tấn Frit trong PT08, trị giá 199.287.000 đồng. Ngày 16/12/2017 Công ty P tiếp tục cho xuất kho 10 tấn Frit trong PT02 và 10 tấn Frit trong PT 08, trị giá 181.170.000 đồng.

Như vậy, Công ty Đ vẫn nợ Công ty P số tiền là 150.971.950 đồng.

Đồng thời, Công ty Đ phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh do quá hạn hợp đồng từ tháng 5/2017 cho đến ngày 22/8/2019 theo lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán số tiền là 20.567.343 đồng. Tổng cộng: 171.539.293 đồng.

Ngày 22/8/2019 Công ty P gửi đơn kiện Công ty Đ đến Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 171.539.293 đồng.

Ngày 26/9/2019 Trung tâm hòa giải - đối thoại của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đã tiến hành hòa giải giữa Công ty P và Công ty Đ với kết quả hòa giải thành như sau:

Công ty Đ có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền là 110.971.950 đồng theo phương thức thanh toán như sau:

- Lần 1: Thanh toán 40.000.000 đồng thực hiện vào ngày 01/10/2019 bằng hình thức chuyển khoản.

- Lần 2: Thanh toán 40.000.000 đồng thực hiện vào ngày 31/10/2019, bằng hình thức chuyển khoản.

- Lần 3: Thanh toán 30.971.950 đồng, thực hiện ngày 15/11/2019 bằng hình thức chuyển khoản.

Công ty Đ phải chịu tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Cùng ngày 26/9/2019 Công ty P có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành này.

Tuy nhiên đến ngày 02/10/2019 Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty P 40.000.000 đồng.

Như vậy Công ty Đ chỉ còn nợ tiền mua hàng của công ty P 70.971.950 đồng.

Do đó tại phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 26/9/2019 để công nhận việc Công ty Đ thanh toán số tiền còn nợ lại cho Công ty P là 70.971.950 đồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát*: Kết quả hòa giải thành ngày 26/9/2019 của Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tuân thủ các quy định của pháp luật về hòa giải, sự thỏa thuận giữa các đương sự ghi trong biên bản hòa giải là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án công nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát nhận định:

[1] Việc Công ty Đ có ký hợp đồng mua bán Frit với Công ty P từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được thể hiện qua Hợp đồng mua bán số 08-2017/HDMB/PD – ĐNA ngày 01/01/2017; Hợp đồng mua bán số 09-2018/HDMB/PD – ĐNA ngày 30/12/2017; các Đơn đặt hàng ngày 22/5/2017, 12/6/2017, 19/6/2017, 28/11/2017. Công ty P đã thực hiện việc giao hàng hóa đúng quy định theo các phiếu xuất kho, phiếu cân hàng, phiếu giao nhận hàng hóa, hóa đơn giá trị gia tăng. Việc mua bán, thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, có làm hợp đồng rõ ràng và được sự xác nhận của người đại diện hợp pháp của 02 bên công ty. Việc mua bán giữa 02 bên là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm. Công ty Đ còn nợ tiền mua hàng của Công ty P.

[2] Tại Biên bản hòa giải thành ngày 26/9/2019 của Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát thể hiện: Công ty Đ còn nợ lại Công ty P số tiền mua hàng là 110.971.950 đồng và Công ty Đ đồng ý thanh toán số tiền này. Ngày 02/10/2019, Công ty Đ đã thanh toán 40.000.000 đồng cho Công ty P. Công ty Đ còn nợ lại là 70.971.950 đồng.

[3] Xét thấy nội dung thỏa thuận ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 26/9/2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba.

Căn cứ khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 370; Điều 417 và Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 37 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 32/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2019, cụ thể như sau:

Công nhận kết quả hòa giải thành do Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương lập ngày 26/9/2019 giữa Công ty P và Công ty Đ về việc thanh toán số tiền nợ hàng còn lại là 70.971.950 đồng cụ thể như sau:

Công ty Đ có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền 70.971.950 đồng (bảy mươi triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi đồng) theo phương thức thanh toán như sau:

- Lần 1: Thanh toán 40.000.000 đồng thực hiện vào ngày 31/10/2019.
- Lần 2: Thanh toán 30.971.950 đồng, thực hiện ngày 15/11/2019.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**Điều 2.** Công ty P phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà Công ty P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2016/0042055 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Điều 4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSNDtỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Thế Thị Ngọc Anh**